BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 3N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Tháng 6 năm 2019

STT	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số trong tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
	TỔNG TRỊ GIÁ	**USD**		**11.354.058.105**		**69.413.407.742**
1	Lúa mì	Tấn	60.190	16.800.341	561.244	160.638.346
2	Ngô	Tấn	270.071	54.571.517	1.411.249	296.801.636
3	Dầu mỡ động thực vật	USD		29.883.762		158.392.473
4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		116.031.376		704.872.203
5	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		25.743.721		164.437.691
6	Hóa chất	USD		239.242.444		1.585.897.587
7	Sản phẩm hóa chất	USD		222.803.634		1.347.505.178
8	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	192.150	335.112.859	1.165.573	2.074.403.330
9	Sản phẩm từ chất dẻo	USD		326.308.298		2.075.260.326
10	Cao su	Tấn	27.171	53.730.707	169.599	345.943.365
11	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		63.902.808		363.846.637
12	Giấy các loại	Tấn	54.234	59.187.533	365.069	387.042.011
13	Sản phẩm từ giấy	USD		35.842.897		214.448.218
14	Bông các loại	Tấn	99.492	180.144.882	583.709	1.088.708.723
15	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	47.428	135.494.206	285.952	831.065.720
16	Vải các loại	USD		603.348.858		3.607.659.149
17	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		303.852.928		1.952.984.362
18	Sắt thép các loại:	Tấn	337.305	283.038.336	2.294.929	1.866.388.239
	- Phôi thép	*Tấn*	*229*	*581.385*	*15.089*	*8.307.193*
19	Sản phẩm từ sắt thép	USD		178.121.653		1.088.701.100
20	Kim loại thường khác:	Tấn	73.522	252.744.582	456.328	1.682.849.211
	- Đồng	*Tấn*	*15.309*	*109.474.092*	*110.371*	*796.214.670*
21	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		106.203.671		583.876.021
22	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		3.299.138.499		20.123.552.476
23	Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		59.775.275		425.031.161
24	Điện thoại các loại và linh kiện	USD		814.367.942		4.831.622.768
25	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		1.569.045.285		9.412.490.060
26	Dây điện và dây cáp điện	USD		89.344.435		512.158.211
27	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		140.424.123		812.033.807

Create PDF files without this message by purchasing novaPDF printer (http://www.novapdf.com)

STT	Nhóm/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số trong tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
			Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
29	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		8.526.036		58.105.034
30	Hàng hóa khác	USD		1.751.325.497		10.656.692.699

Ngày in: 11/07/2019

Create PDF files without this message by purchasing novaPDF printer (http://www.novapdf.com)